

Số: /2018/NQ-HĐND
“Dự thảo”

Bắc Giang, ngày tháng năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với
36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2019 - 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHOÁ XVIII - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2018;
Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2019 - 2021, như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ: 36 thôn/bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019 - 2021.

(Có danh sách kèm theo)

2. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ xây dựng các công trình giao thông (ngầm, đường tránh lũ, khắc phục sạt lở, trơn trượt), công trình thủy lợi (hồ, đập).

3. Kinh phí hỗ trợ: 54 tỷ đồng từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách tỉnh.

- Định mức phân bổ: 18 tỷ đồng/năm;

- Mức hỗ trợ: 1,5 tỷ đồng/thôn, bản/03 năm.

4. Thời gian hỗ trợ: Từ 01/01/2019 đến 31/12/2021.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2021.

Điều 3. Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được HĐND tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 5 thông qua./.

*** Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc Hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Ủy ban Dân tộc;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Giang;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- UBMT tổ quốc và các Đoàn thể nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành thuộc Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Tin học - Công báo, Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng ĐBQH&HĐND tỉnh;
- + LĐVP;
- + Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hải

**DANH SÁCH 36 THÔN, BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN NHẤT
TỈNH BẮC GIANG, GIAI ĐOẠN 2019-2021**

(Kèm theo Nghị quyết số /2018/NQ-HĐND ngày / /2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khóa XVIII, kỳ họp thứ 5)

TT	Huyện	Xã		Thôn, bản	
		TT	Tên xã	TT	Tên thôn/bản
I	HUYỆN SƠN ĐÔNG <i>(12 xã - 14 thôn/bản)</i>	1	Xã Dương Hưu	1	Bản Mùng
				2	Thôn Đồng Làng
		2	Xã Phúc Thắng	3	Thôn Đồng Mương
		3	Xã Giáo Liêm	4	Thôn Rèm
		4	Xã Cẩm Đàn	5	Thôn Rộc Nậy
		5	Xã An Lạc	6	Thôn Biếng
				7	Thôn Thác
		6	Xã Vĩnh Khương	8	Thôn Luông
		7	Xã Tuấn Mậu	9	Thôn Thanh Chung
		8	Xã Bông Am	10	Thôn Nam Bông
		9	Xã Hữu Sản	11	Thôn Dân 3
		10	Xã An Bá	12	Thôn Đồng Tàn
		13	Thôn Gà		
		14	Thôn Đồng Bang		
II	HUYỆN LỤC NGẠN <i>(08 xã - 10 thôn)</i>	13	Xã Sa Lý	15	Thôn Răng Ngoài
				16	Thôn Khuân Tô
		14	Xã Tân Sơn	17	Thôn Khuôn Kén
				18	Thôn Đồng Mậm
		15	Xã Sơn Hải	19	Thôn Cổ Vải
				20	Thôn Chả
		16	Xã Phong Vân	21	Thôn Chăm Khon
		17	Xã Cẩm Sơn	22	Thôn Ruồng
		23	Thôn Hòa Trong		
		24	Thôn Khuôm		
III	HUYỆN LỤC NAM <i>(04 xã - 07 thôn/bản)</i>	21	Xã Lục Sơn	25	Thôn Đồng Vành 2
				26	Thôn Suối Mản
		22	Xã Bình Sơn	27	Thôn Đá Húc
				28	Thôn Khe Sâu
		23	Xã Trường Sơn	29	Bản Vua Bà
		30	Thôn Đồng Mận		
		31	Thôn Bắc Máng		
IV	HUYỆN YÊN THẾ <i>(05 xã - 05 thôn/bản)</i>	24	Xã Vô Tranh		
				32	Thôn Đồng Cờ
		25	Xã Tiến Thắng	33	Thôn Trại Mới
		26	Xã Đồng Hưu	34	Bản Nà Táng
		27	Xã Canh Nậu	35	Bản Trại Mía
		28	Xã Đồng Vương	36	Bản Đồng An
		29	Xã Đồng Tiến		

Số: /TTr-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2018

"Dự thảo"

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn/bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2019 - 2021

Kính gửi: HĐND tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khóa XVII, kỳ họp thứ 14;

Căn cứ ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo kết luận số 318-TB/TU ngày 29/3/2018; văn bản số 212/HĐND-TH ngày 24/4/2018 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, nhất trí đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn/bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2019 - 2021;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn/bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2019 - 2021, thay thế Nghị quyết số 34/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết số 34/2015/NQ- HĐND về quy định chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016 - 2018 được HĐND tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 14 ban hành ngày

11/12/2015. Sau 03 năm (2016 - 2018) thực hiện Nghị quyết đã góp phần cải thiện, phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu: Tỷ lệ đường giao thông được kiên cố hóa của 36 thôn/bản ĐBKK nhất tỉnh từ 17,31% (41,8km) lên 34,16 % (82,5 km) tăng 40,7 km, đặc biệt là đã giải quyết dứt điểm sự cách trở về giao thông (*phải đi bằng thuyền*) của thôn Đồng Mậm - xã Sơn Hải; giải quyết cơ bản đường giao thông liên thôn thường xuyên trơn trượt trong mùa mưa tại 3 thôn của xã Hộ Đáp. Tỷ lệ kênh mương nội đồng được kiên cố hóa từ 20,97% (28,3km) lên 35,42% (47,8km, tăng 19,5 km, qua đó nâng diện tích được tưới tiêu chủ động từ 28,42% (454 ha) lên 36,25% (579,2 ha tăng 125 ha so với 2015. Từng bước thay đổi được nhận thức của người dân trong sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu, nâng cao năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi, thúc đẩy phát triển kinh tế, góp phần giảm nghèo bền vững (*Tỷ lệ hộ nghèo 36 thôn/bản ĐBKK nhất tỉnh giảm từ 61,15% năm 2015 xuống còn 52,83% năm 2017, tỷ lệ giảm nghèo bình quân 4,16%/năm*),..... cải thiện đời sống người dân các thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất của tỉnh.

Tuy nhiên, qua rà soát 62 thôn/bản ĐBKK có tỷ lệ hộ nghèo trên 50% có 36 thôn/bản khó khăn nhất (*gồm 10 thôn/bản được đầu tư giai đoạn 2016 - 2018 và 26 thôn/bản ĐBKK mới*); cơ sở hạ tầng, giao thông đi lại rất khó khăn (*từ thôn/bản ra trung tâm xã 5-10km, cách trung tâm huyện từ 20-30km*), chủ yếu là đường đất, nhỏ hẹp, gồ ghề, trơn trượt, thường xuyên sạt lở và cách trở, đi lại khó khăn trong mùa mưa; trong khu vực còn 70 điểm chưa có ngầm hoặc cầu bắc qua; kết cấu hạ tầng cơ sở về thủy lợi yếu kém, nhiều hạng mục công trình thủy lợi đã xuống cấp, hỏng hóc, hiệu suất sử dụng thấp; diện tích canh tác chưa được tưới tiêu chủ động còn lớn, chiếm 64,90%. Đây là những thôn (bản) có nhu cầu cấp bách xây dựng ngầm dân sinh, đường tránh lũ và nhu cầu xây dựng, sửa chữa hồ, đập trữ nước phục vụ sản xuất.

Để trợ giúp 36 thôn/bản ĐBKK này, ngoài các chương trình, chính sách của TW, sự nỗ lực cố gắng của người dân, rất cần sự quan tâm đầu tư của tỉnh, nhằm hỗ trợ cho các thôn/bản cải thiện, khắc phục những khó khăn nhất hiện nay về giao thông và thủy lợi. Do đó, việc đề xuất Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 34/2015/NQ- HĐND ngày 11/12/2015 để quy định và thực hiện chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn/bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2019 - 2021 là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Nhằm ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn/bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2019 - 2021 để thay thế Nghị quyết số 34/2015/NQ- HĐND ngày 11/12/2015 của

Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp lần thứ 14 sẽ hết hiệu lực ngày 31/12/2018.

Thông qua Nghị quyết để triển khai thực hiện một số cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào khu vực; xây dựng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống; tạo sự chuyển biến mạnh trong công tác giảm nghèo nhanh, bền vững; sớm đưa thôn/bản thoát nghèo, chậm phát triển, thu hẹp dần khoảng cách với các vùng khác của tỉnh; tăng cường khối đoàn kết các dân tộc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự - an toàn xã hội.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Việc ban hành nghị quyết đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật; phù hợp với nguồn lực, điều kiện thực tế của địa phương. Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính cụ thể nhằm bố trí, huy động, sử dụng các nguồn lực hỗ trợ cho 36 thôn/bản ĐBKK nhất trong giai đoạn 2019 - 2021.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn/bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2019 - 2021; thay thế Nghị quyết số 34/2015/NQ- HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp lần thứ 14.

2. Đối tượng áp dụng: 36 thôn/bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019 - 2021.

3. Thời gian áp dụng: Nghị quyết ban hành được áp dụng từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2021.

IV. NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được bố cục theo hình thức Nghị quyết ban hành bao gồm 3 Điều:

- Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2019 - 2021, như sau:

- Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2021.

- Điều 3. Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Những nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị quyết

1- *Tên Nghị quyết*: Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2019 – 2021;

2- *Đối tượng hỗ trợ*: 36 thôn/bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019 - 2021 (địa bàn 36 thôn/bản, thuộc 29 xã của các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế).

(Có danh sách xã, thôn/bản kèm theo)

3- *Nội dung hỗ trợ*: Xây dựng các công trình giao thông (ngâm, đường tránh lũ, đường khắc phục sạt lở, trơn trượt), công trình thủy lợi (hồ, đập).

4- *Kinh phí hỗ trợ*: 54 tỷ đồng, từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách tỉnh.

- Định mức phân bổ: 18 tỷ đồng/năm;

- Mức hỗ trợ: 1,5 tỷ đồng/thôn, bản/03 năm.

5- *Thời gian thực hiện*: Từ 01/01/2019 đến 31/12/2021.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực

Tổng kinh phí dự kiến để thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho 36 thôn/bản trong giai đoạn 2019 - 2021 là: 54 tỷ đồng;

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách tỉnh.

2. Điều kiện đảm bảo, giải pháp thực hiện chính sách

- Sau khi Nghị quyết được thông qua, UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang, về việc phê duyệt Đề án thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và giảm nghèo bền vững đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016-2020, để thực hiện trong giai đoạn 2019-2021.

- Giao Sở Tài chính cân đối, bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện sau khi Nghị quyết sửa đổi được thông qua, kiểm tra, hướng dẫn thanh quyết toán nguồn vốn.

- Giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, theo dõi, kiểm soát việc phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư bảo đảm đúng mục tiêu đề ra; phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế và các đơn vị liên

quan bố trí lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, chính sách khác, các nguồn huy động xã hội hóa, các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện đầu tư hỗ trợ cơ sở hạ tầng và các chính sách giảm nghèo, phát triển bền vững đối với 36 thôn/bản ĐBKK nhất tỉnh, trong giai đoạn 2019 - 2021.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Thời gian dự kiến trình HĐND tỉnh tại kỳ họp tháng 7/2018;

Trên đây là nội dung Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn/bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2019-2021; thay thế Nghị quyết số 34/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp lần thứ 14; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.
- * Bản điện tử
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, KGVX, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Linh

**DANH SÁCH 36 THÔN BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN NHẤT TỈNH ĐỀ NGHỊ
ĐƯỢC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG, GIAI ĐOẠN 2019-2021**
(Kèm theo Tờ trình số /TTr- UBND ngày / /2018 của UBND tỉnh)

TT	Huyện	Xã		Thôn, bản	
		TT	Tên xã	TT	Tên thôn/bản
I	HUYỆN SƠN ĐÔNG (12 xã - 14 thôn/bản)	1	Xã Dương Hưu	1	Bản Mùng
				2	Thôn Đồng Làng
		2	Xã Phúc Thắng	3	Thôn Đồng Mương
		3	Xã Giáo Liêm	4	Thôn Rèm
		4	Xã Cẩm Đàn	5	Thôn Rộc Nảy
		5	Xã An Lạc	6	Thôn Biêng
				7	Thôn Thác
		6	Xã Vĩnh Khương	8	Thôn Luông
		7	Xã Tuần Mậu	9	Thôn Thanh Chung
		8	Xã Bồng Am	10	Thôn Nam Bông
		9	Xã Hữu Sản	11	Thôn Dàn 3
		10	Xã An Bá	12	Thôn Đồng Tàn
		11	Xã Thanh Luận	13	Thôn Gà
12	Xã Chiên Sơn	14	Thôn Đồng Bang		
13	Xã Sa Lý	15	Thôn Răng Ngoài		
II	HUYỆN LỤC NGẠN (08 xã - 10 thôn)	14	Xã Tân Sơn	16	Thôn Khuân Tô
				17	Thôn Khuôn Kén
		15	Xã Sơn Hải	18	Thôn Đồng Mật
				19	Thôn Cổ Vài
		16	Xã Phong Vân	20	Thôn Chả
		17	Xã Cẩm Sơn	21	Thôn Chăm Khon
		18	Xã Đèo Gia	22	Thôn Ruồng
		19	Xã Tân Lập	23	Thôn Hòa Trong
		20	Xã Phú Nhuận	24	Thôn Khuôm
		21	Xã Lục Sơn	25	Thôn Đồng Vành 2
III	HUYỆN LỤC NAM (04 xã - 07 thôn/bản)	22	Xã Bình Sơn	26	Thôn Suối Mẩn
				27	Thôn Đá Húc
		23	Xã Trường Sơn	28	Thôn Khe Sâu
				29	Bản Vua Bà
		24	Xã Vô Tranh	30	Thôn Đồng Mật
				31	Thôn Bắc Máng
		25	Xã Tiến Thắng	32	Thôn Đồng Cờ
IV	HUYỆN YÊN THẾ (05 xã - 05 thôn/bản)	26	Xã Đồng Hưu	33	Thôn Trại Mới
		27	Xã Canh Nậu	34	Bản Nà Táng
		28	Xã Đồng Vương	35	Bản Trại Mía
		29	Xã Đồng Tiến	36	Bản Đồng An